

Số: **06** /2023/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày **09** tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến
trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Căn cứ Luật Thi đua khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;*
- Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi đua khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;*
- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*
- Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;*
- Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*
- Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*
- Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;*
- Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ;*

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2023 và thay thế Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết định số 103/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định 04/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp;
- Báo Lào Cai, Đài PT - TH tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Như Điều 3 QĐ;
- Công báo Lào Cai;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, TH1, NC2, VX2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Giàng Thị Dung



QUY ĐỊNH

Về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
(Ban hành kèm theo Quyết định số: *06* /2023/QĐ-UBND
ngày *09* / *3* /2023 của UBND tỉnh Lào Cai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về công nhận sáng kiến và tổ chức xét công nhận sáng kiến; đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến; quản lý nhà nước về sáng kiến và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Các nội dung khác không quy định trong Quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ và các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có các hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Theo quy định tại Điều 3 của Điều lệ sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 2 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Sáng kiến” là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp), được cơ sở công nhận nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có tính mới trong phạm vi cơ sở đó;

b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực;

c) Không thuộc đối tượng bị loại trừ theo quy định tại khoản 2, Điều 3 của Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ban hành Điều lệ Sáng kiến.

2. “Cơ sở” có quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến, bao gồm:

a) Pháp nhân, tức là tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 74 của Bộ luật Dân sự, cụ thể là: Được thành lập hợp pháp; có cơ cấu tổ chức chặt chẽ; có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó; nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập;

b) Các đơn vị không có tư cách pháp nhân, nhưng có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập (ví dụ như: hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân, văn phòng luật sư,...);

c) Các đơn vị hạch toán kinh tế phụ thuộc pháp nhân cấp trên (ví dụ: Các chi nhánh của doanh nghiệp, các trung tâm trực thuộc tổ chức,...) và được pháp nhân cấp trên ủy quyền, ủy nhiệm thực hiện việc công nhận sáng kiến ở đơn vị bằng văn bản hoặc quy định nội bộ (ví dụ như quy định trong quy chế về hoạt động sáng kiến ở tổ chức).

Điều 4. Nguyên tắc xét công nhận sáng kiến; xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến

1. Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm xét công nhận sáng kiến; xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến khi có yêu cầu công nhận của cá nhân thuộc cơ sở mình quản lý;

2. Việc xét công nhận sáng kiến; xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến phải đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công khai, công bằng, thực chất và động viên được mọi tầng lớp nhân dân tích cực tham gia phong trào thi đua lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến.

3. Việc xét công nhận sáng kiến; xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN; Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

4. Sáng kiến đề nghị được xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến ở cấp cao hơn thì phải được công nhận và đề nghị của cấp dưới.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ SÁNG KIẾN VÀ TỔ CHỨC XÉT CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 5. Tác giả và đồng tác giả sáng kiến

1. Cách xác định tác giả, đồng tác giả sáng kiến

a) Tác giả sáng kiến, đồng tác giả sáng kiến đứng tên nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải là những người trực tiếp hoặc cùng nhau tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình;

b) Tác giả sáng kiến là người có tỷ lệ đóng góp trí tuệ nhiều nhất cho việc tạo ra sáng kiến;

c) Đồng tác giả sáng kiến là người cùng với tác giả sáng kiến trực tiếp tạo ra sáng kiến và có tỷ lệ đóng góp từ 40% trở lên với tác giả sáng kiến;

d) Những người chỉ tham gia hỗ trợ, giúp việc cho tác giả trong quá trình tạo ra sáng kiến và áp dụng sáng kiến thì không được coi là đồng tác giả sáng kiến (ví dụ: Tính toán, làm thí nghiệm, mô hình, mẫu thử, vẽ kỹ thuật, gia công, chế tạo chi tiết, tìm thông tin tư liệu, đánh máy; hỗ trợ kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật).

2. Cơ sở tiếp nhận đơn phải có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, xác minh những người khai nhận là tác giả, đồng tác giả sáng kiến; trường hợp kết quả kiểm tra, xác minh cho thấy đủ cơ sở kết luận những người nộp đơn không đúng đối tượng là tác giả, đồng tác giả sáng kiến thì cơ sở có quyền từ chối chấp nhận đơn.

Điều 6. Thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Trường hợp giải pháp đưa ra dưới dạng tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm pháp luật dự kiến các đối tượng áp dụng bắt buộc phải thực hiện thì tác giả, đồng tác giả phải nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến trước khi được cấp có thẩm quyền quyết định ban hành để đảm bảo tính mới theo quy định tại Điều 4 Điều lệ sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 4 của Thông tư số 18/2013/TT-BKH-CN.

2. Việc thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là do tác giả, đồng tác giả tự nguyện thực hiện, không bắt buộc phải đăng ký sáng kiến ngay từ đầu năm dương lịch hoặc đầu năm học đối với các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Điều 7. Cơ sở có thẩm quyền và trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Cơ sở có thẩm quyền và trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu công nhận sáng kiến là một trong các cơ sở sau đây:

a) Cơ sở là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Là cơ quan, tổ chức đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật dưới hình thức giao việc, thuê việc hoặc các hình thức khác cho tác giả để tạo ra sáng kiến;

b) Cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, với điều kiện chủ đầu tư tạo ra sáng kiến từ chối công nhận sáng kiến và không có thỏa thuận khác với tác giả sáng kiến;

c) Cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

2. Các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng quy định tại Điều 2 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCHN.

Điều 8. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCHN.

2. Mỗi đơn yêu cầu công nhận sáng kiến chỉ áp dụng cho một giải pháp. Trường hợp tác giả có nhiều giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến thì không được gộp chung nhiều giải pháp đó vào trong một đơn mà phải trình bày riêng trong từng đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

3. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải được tác giả ký và ghi rõ họ tên vào mục người nộp đơn ở trang cuối cùng của đơn; trường hợp sáng kiến có đồng tác giả thì người nộp đơn phải là một trong các đồng tác giả và phải được các đồng tác giả còn lại đồng ý nộp đơn và cùng ký xác nhận vào đơn.

4. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến bao gồm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 5 Điều lệ sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCHN.

5. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật và tác giả sáng kiến chính là người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến thì tài liệu kèm theo đơn phải có thêm văn bản về việc chấp thuận công nhận sáng kiến của cấp có thẩm quyền.

Điều 9. Tiếp nhận và xem xét tính hợp lệ và đánh giá đối tượng nêu trong đơn đề nghị công nhận sáng kiến

1. Cơ sở quy định tại Điều 7 Quy định này khi nhận được yêu cầu công nhận sáng kiến có trách nhiệm tiếp nhận đơn và trao cho người nộp đơn Giấy biên nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCHN.

2. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ sở có trách nhiệm xem xét đơn và thực hiện các nội dung sau:

a) Thông báo cho tác giả sáng kiến về thiếu sót của đơn yêu cầu công nhận sáng kiến để điều chỉnh, bổ sung;

b) Thông báo cho tác giả sáng kiến về việc chấp nhận hoặc từ chối đơn.

3. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến được xem xét hợp lệ khi đáp ứng các quy định tại Điều 8 Quy định này.

4. Việc cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến chấp nhận hoặc từ chối chấp nhận đơn phải được thông báo bằng văn bản cho tác giả được biết.

5. Cơ sở tiếp nhận đơn đề nghị công nhận sáng kiến phải có trách nhiệm đánh giá đối tượng nêu trong đơn theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Điều lệ sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 4 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCHN.

Điều 10. Quyền công nhận sáng kiến, hình thức công nhận sáng kiến và thời gian tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Người đứng đầu cơ sở thành lập Hội đồng sáng kiến để đánh giá sáng kiến để làm căn cứ quyết định việc công nhận sáng kiến.

2. Thời gian tiếp nhận đơn yêu cầu xét công nhận sáng kiến ở cơ sở do cơ sở quyết định.

Điều 11. Thời hạn, trình tự xét công nhận sáng kiến

1. Việc xét công nhận sáng kiến chỉ được thực hiện sau khi đơn yêu cầu công nhận sáng kiến được chấp nhận hợp lệ; trường hợp có tranh chấp về quyền tác giả hoặc có tố cáo, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến giải pháp nêu trong đơn thì phải giải quyết xong mới tổ chức xét công nhận sáng kiến và phải thông báo cho tác giả được biết về việc này.

2. Thời hạn xét công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 7 Điều lệ sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

3. Trình tự xét công nhận sáng kiến

a) Thường trực Hội đồng sáng kiến thực hiện tổng hợp, phân loại, rà soát, kiểm tra sơ bộ sáng kiến;

b) Thường trực Hội đồng sáng kiến sao gửi đơn yêu cầu công nhận sáng kiến và các tài liệu liên quan kèm theo gửi xin ý kiến các thành viên Hội đồng sáng kiến và các chuyên gia phản biện (nếu có) nghiên cứu trước khi họp Hội đồng;

c) Thường trực Hội đồng sáng kiến tổng hợp ý kiến đánh giá sáng kiến và báo cáo Hội đồng sáng kiến tổ chức họp xét, công nhận.

Điều 12. Công nhận sáng kiến và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến

1. Kết quả xét công nhận sáng kiến được công bố công khai tại cơ quan, đơn vị sau thời hạn 05 ngày làm việc nếu không có ý kiến phản đối của cơ quan, tổ chức, cá nhân nào khác, đối với những giải pháp đủ điều kiện công nhận là sáng kiến, người đứng đầu cơ sở phải có trách nhiệm ban hành Quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN. Trường hợp có khiếu nại về kết quả xét sáng kiến, Hội đồng Sáng kiến xem xét, đánh giá lại sáng kiến, nếu sáng kiến đạt người đứng đầu cơ sở quyết định công nhận sáng kiến, nếu không đạt, thì thông báo và nêu rõ lý do cho tác giả sáng kiến.

2. Sáng kiến được đánh giá đạt điều kiện công nhận được cấp Quyết định công nhận sáng kiến kèm theo Giấy chứng nhận sáng kiến cho từng tác giả và đồng tác giả;

3. Giấy chứng nhận sáng kiến phải có đầy đủ các thông tin theo quy định tại khoản 2, Điều 7 Điều lệ sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và được làm theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

4. Cơ sở có trách nhiệm công bố, đăng tải kết quả công nhận sáng kiến trên công, trang thông tin điện tử của đơn vị.

5. Sau khi có quyết định công nhận sáng kiến cơ sở, đối với những sáng kiến không đạt, cơ sở có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tác giả, đồng tác giả được biết và phải nêu rõ lý do.

Điều 13. Hủy bỏ việc công nhận sáng kiến

Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở công nhận sáng kiến có quyền hủy bỏ việc công nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 3, Điều 9 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN và hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Người đứng đầu cơ sở quyết định hủy bỏ kết quả công nhận sáng kiến trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp đầy đủ tài liệu minh chứng người nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến không phải là tác giả sáng kiến; sáng kiến được công nhận không đáp ứng điều kiện về tính mới, không có khả năng mang lại lợi ích thiết thực và xâm phạm quyền Sở hữu trí tuệ .

2. Người đứng đầu cơ sở quyết định tổ chức họp Hội đồng Sáng kiến để xem xét quyết định hủy bỏ kết quả công nhận sáng kiến trong trường hợp có tranh chấp, kiện cáo giữa các bên về kết quả công nhận sáng kiến; cần có ý kiến chuyên gia, chuyên ngành để khẳng định sáng kiến không đáp ứng điều kiện về tính mới và điều kiện về khả năng mang lại lợi ích thiết thực, có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

3. Cuộc họp của Hội đồng Sáng kiến cơ sở phải mời các cá nhân, đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan và tác giả, đồng tác giả dự họp để giải trình và thống nhất phương án xử lý và phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ ý kiến của những người dự họp và kết luận của Hội đồng.

4. Khi quyết định hủy bỏ kết quả công nhận sáng kiến, người đứng đầu cơ sở phải thu hồi và hủy bỏ Quyết định công nhận và Giấy chứng nhận sáng kiến đã cấp cho tác giả; thu hồi lại các khoản thù lao đã trả cho tác giả và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có); thu hồi hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ các chế độ, quyền lợi mà tác giả được hưởng từ sáng kiến đó.

Điều 14. Xét công nhận sáng kiến cho tác giả, đồng tác giả là người đứng đầu cơ sở

1. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nếu người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả, đồng tác giả sáng kiến thì việc công nhận sáng kiến này thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 7 Điều lệ sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và khoản 1, Điều 7 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Hồ sơ đề nghị xét chấp thuận kết quả xét công nhận sáng kiến cho các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

3. Thời hạn xem xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến cho các tác giả, đồng tác giả quy định tại khoản 2 Điều này áp dụng theo quy định tại khoản 3, Điều 7 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Điều 15. Hội đồng sáng kiến

1. Người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến thành lập Hội đồng sáng kiến để đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến làm căn cứ quyết định việc công nhận sáng kiến. Hội đồng sáng kiến được thành lập theo quy định tại Điều 8 Điều lệ sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và khoản 1, Điều 8 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Thường trực Hội đồng sáng kiến do người đứng đầu cơ sở quyết định. Nhiệm vụ của Thường trực Hội đồng sáng kiến có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý các đơn yêu cầu công nhận sáng kiến để tham mưu cho Hội đồng Sáng kiến và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng sáng kiến

a) Tổ chức đánh giá khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định;

b) Lập biên bản đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên và kết quả biểu quyết sau khi kết thúc mỗi phiên họp của Hội đồng;

c) Bảo mật thông tin về các giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến theo yêu cầu của tác giả hoặc người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến;

d) Xem xét đánh giá tính mới và khả năng mang lại lợi ích thiết thực của sáng kiến theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Điều lệ sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP để tham mưu cho người đứng đầu cơ sở công nhận hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét công nhận để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi và hỗ trợ tác giả thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Tham mưu giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo hoặc kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động sáng kiến ở cơ sở;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của người có thẩm quyền thành lập Hội đồng Sáng kiến.

4. Chế độ làm việc của Hội đồng Sáng kiến

a) Phiên họp của Hội đồng chỉ được coi là hợp lệ khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng; trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp;

b) Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ;

c) Giải pháp khi đưa ra xem xét tại phiên họp của Hội đồng được công nhận là sáng kiến khi có ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng đồng ý bằng hình thức biểu quyết hoặc phiếu đồng ý thông qua;

d) Bản sao nội dung các sáng kiến và các tài liệu liên quan phải được gửi cho các thành viên Hội đồng tối thiểu 05 ngày làm việc trước thời gian họp Hội đồng.

5. Trình tự làm việc của Hội đồng sáng kiến

a) Thư ký Hội đồng báo cáo kết quả tiếp nhận, xử lý đơn yêu cầu công nhận sáng kiến; báo cáo tóm tắt nội dung các giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến và ý kiến đánh giá sáng kiến của các thành viên Hội đồng;

b) Các Thành viên Hội đồng hoặc chuyên gia phản biện (nếu có) nhận xét đánh giá, phản biện nội dung của sáng kiến theo tiêu chí: Tính mới; khả năng nhân rộng và hiệu quả mang lại hoặc hiệu quả dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến;

c) Chủ tịch Hội đồng sáng kiến tóm tắt, kết luận nhận xét, đánh giá sáng kiến;

d) Đối với những sáng kiến yêu cầu có phản biện thì phải dựa trên kết quả phản biện, đánh giá của các chuyên gia phản biện để nhận xét, đánh giá, biểu quyết;

đ) Hội đồng tiến hành biểu quyết và Chủ tịch Hội đồng kết luận thông qua sáng kiến đủ điều kiện công nhận;

e) Thư ký Hội đồng lập và thông qua biên bản họp xét sáng kiến.

6. Nhiệm vụ của thư ký Hội đồng

a) Ghi biên bản nội dung của từng cuộc họp Hội đồng, tổng hợp và dự thảo thông báo kết quả cuộc họp đảm bảo chính xác, kịp thời;

b) Chuẩn bị nội dung, chương trình và tài liệu cần thiết phục vụ cho các kỳ họp của Hội đồng theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng;

c) Gửi hồ sơ sáng kiến cho các thành viên Hội đồng để các thành viên Hội đồng biết và chuẩn bị tài liệu họp xét.

7. Hội đồng sáng kiến cơ sở được sử dụng con dấu của cơ sở để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Chương III

ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN HIỆU QUẢ ÁP DỤNG VÀ PHẠM VI ẢNH HƯỞNG CỦA SÁNG KIẾN

Điều 16. Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến

1. Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến của các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và tương đương do người đứng đầu cơ sở quyết định.

2. Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh và toàn quốc như sau:

a) Đợt 1: Thời gian tiếp nhận từ ngày 01/7 đến ngày 15/7 hằng năm;

b) Đợt 2: Thời gian tiếp nhận từ ngày 01/01 đến ngày 15/01 của năm sau.

Điều 17. Thẩm quyền, hình thức đánh giá, công nhận, hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến

1. Người đứng đầu các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và tương đương có trách nhiệm đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền công nhận hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh và phạm vi toàn quốc.

Điều 18. Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến ở các cơ quan, đơn vị

Các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và tương đương thành lập Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến để xét công nhận cho các tác giả sáng kiến:

1. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; doanh nghiệp được tỉnh thành lập, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã được giao phụ trách lĩnh vực khoa học và công nghệ;

b) Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng là cấp phó của người đứng đầu các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; doanh nghiệp được tỉnh thành lập, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; đối với UBND các huyện, thành phố, thị xã Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan chuyên môn phụ trách lĩnh vực khoa học và công nghệ;

c) Các uỷ viên là các thành phần có liên quan đến nội dung sáng kiến, đại diện tổ chức công đoàn nơi tác giả là công đoàn viên (nếu có) và các thành phần khác theo quyết định của người đứng đầu các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và tương đương quyết định đảm bảo số lẻ khi biểu quyết;

d) Thư ký Hội đồng do người đứng đầu các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và tương đương quyết định.

2. Thường trực Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến do người đứng đầu các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và tương đương quyết định.

3. Nhiệm vụ của cơ quan Thường trực Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Quy định này.

4. Nhiệm vụ, chế độ làm việc và trình tự làm việc của Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 15 của Quy định này.

5. Nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng theo quy định tại khoản 6 Điều 15 của Quy định này.

6. Hội đồng được sử dụng con dấu của cơ quan, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 19. Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh và toàn quốc

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh và toàn quốc. Thành phần của Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc uỷ quyền cho Phó Chủ tịch UBND tỉnh được giao phụ trách lĩnh vực Khoa học và Công nghệ;

b) 01 Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

c) Các Uỷ viên gồm: Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh; lãnh đạo Sở Nội vụ phụ trách Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh; lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ phụ trách lĩnh vực Sở hữu trí tuệ; lãnh đạo Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh; lãnh đạo Liên đoàn Lao động tỉnh;

d) Thành viên chuyên ngành: Tùy từng lĩnh vực áp dụng của sáng kiến được xét duyệt, cơ quan Thường trực của Hội đồng quyết định mời lãnh đạo các ngành liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học và các thành phần khác có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu về lĩnh vực sáng kiến đề nghị là thành viên chính thức của Hội đồng;

đ) Tổ thư ký giúp việc Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh và toàn quốc gồm: Thư ký Hội đồng: Một lãnh đạo phòng hoặc chuyên viên theo dõi hoạt động khoa học công nghệ của Văn phòng UBND tỉnh và một lãnh đạo phòng hoặc chuyên viên phụ trách hoạt động sáng kiến của Sở Khoa học và Công nghệ. Thư ký hành chính: Hai chuyên viên phụ trách, theo dõi hoạt động sáng kiến của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Số lượng các thành viên Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh và toàn quốc do Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định đảm bảo số lẻ khi biểu quyết.

3. Nhiệm vụ, chế độ và trình tự làm việc của Hội đồng thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 15 của Quy định này.

4. Cơ quan thường trực Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh và toàn quốc là Sở Khoa học và Công nghệ. Nhiệm vụ của cơ quan thường trực theo quy định tại khoản 2 Điều

15 của Quy định này. Cơ quan thường trực được sử dụng con dấu của Sở Khoa học và Công nghệ để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 20. Điều kiện đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến

1. Sáng kiến được xem xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng ở các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và tương đương khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Sáng kiến đề nghị Hội đồng đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng là sáng kiến đã được quyết định công nhận sáng kiến cơ sở;

b) Sáng kiến đã được phổ biến, áp dụng trong toàn cơ quan, ngành hoặc địa phương;

c) Sáng kiến có hiệu quả áp dụng ở cơ quan, địa phương là tiêu biểu, mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội.

2. Sáng kiến được xem xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Sáng kiến đã được các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và tương đương công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng bằng văn bản;

b) Sáng kiến đã được nhân rộng trên địa bàn tỉnh, ngành và có hiệu quả.

3. Trường hợp đề nghị Hội đồng xét, công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trong phạm vi toàn quốc, thì ngoài việc đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này, tác giả, đồng tác giả phải chứng minh được sáng kiến đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Sáng kiến đã được các cơ quan, đơn vị ngoài tỉnh áp dụng;

b) Sáng kiến đã được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trong toàn tỉnh.

Điều 21. Xét công nhận và hủy bỏ kết quả công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và tương đương xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến tại cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ và khoản 1 Điều 6 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Nghị định 91/2017/NĐ-CP. Việc xét đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến tại cơ sở phải được thực hiện thông qua Hội đồng (đối với UBND huyện, thành phố, thị xã việc trình đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến ở cấp cơ sở do thủ trưởng cơ sở xét công nhận sáng kiến thực hiện).

2. Việc trình đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trên phạm vi tỉnh và phạm vi toàn quốc quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP do thủ trưởng cơ sở xét công nhận sáng kiến thực hiện. Việc xét đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trên phạm vi tỉnh và phạm vi toàn quốc phải được thực hiện thông qua Hội đồng xét và đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trên phạm vi tỉnh và phạm vi toàn quốc.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn cụ thể quy trình, hồ sơ thực hiện xét, đánh giá, công nhận và hủy bỏ kết quả công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến ở các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và tương đương, ở cấp tỉnh, cấp toàn quốc.

4. Sở Nội vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến phục vụ công tác thi đua khen thưởng.

Chương IV

CÁC BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG

SÁNG KIẾN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 22. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

1. Các cơ quan Đảng, sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cơ sở có thẩm quyền xét công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh phối hợp với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm khuyến khích quần chúng tham gia các phong trào thi đua sáng tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Điều lệ sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

2. Cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có thể áp dụng các biện pháp để khuyến khích tác giả sáng kiến theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Điều 23. Chi phí cho hoạt động sáng kiến, các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến, thông tin, áp dụng chuyển giao sáng kiến

1. Nguồn kinh phí cho hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh từ các nguồn: ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của các tổ chức, doanh nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác được áp dụng theo Điều 2 của Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến.

2. Nội dung và mức chi cho hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội

đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung chi, mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

3. Chi phí cho hoạt động sáng kiến trong đó có chi phí để tạo ra và áp dụng sáng kiến, phổ biến sáng kiến, trả thù lao, trả thưởng cho tác giả sáng kiến và những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu được thực hiện theo quy định tại Điều 14 và khoản 1 Điều 16 Điều lệ sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

4. Chi phí cho hoạt động sáng kiến đối với các doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

5. Kinh phí thực hiện các hoạt động khuyến khích quần chúng tham gia các phong trào thi đua sáng tạo được trích từ nguồn ngân sách nhà nước của các cơ quan, tổ chức và các nguồn tài trợ khác.

6. Đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng trên địa bàn tỉnh Lào Cai thì tác giả sáng kiến và người đứng đầu đơn vị có sáng kiến có trách nhiệm cung cấp nội dung và lợi ích của sáng kiến cho các đơn vị khác trong tỉnh áp dụng sáng kiến đó theo quy định hiện hành.

7. Việc áp dụng, chuyển giao Sáng kiến thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư số 18/2013/TT-BKH-CN.

8. Những Sáng kiến đã được cấp có thẩm quyền công nhận, đưa vào áp dụng có hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng, khả năng áp dụng rộng rãi và có tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh sẽ được UBND tỉnh ưu tiên xem xét, cấp kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu phát triển và hoàn thiện sáng kiến để phổ biến cho công chúng áp dụng theo quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 15 Điều lệ sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Điều 24. Sử dụng kết quả xét công nhận sáng kiến và kết quả đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến

1. Quyết định công nhận sáng kiến do cơ sở có thẩm quyền quy định tại Điều 7 Quy định này cấp có giá trị làm bằng chứng về việc sáng kiến đã được một cơ sở công nhận và làm bằng chứng chứng minh quyền tác giả đối với sáng kiến đó.

2. Mỗi vụ việc cần đến tiêu chí sáng kiến để giải quyết thì tác giả (đồng tác giả) chỉ được sử dụng kết quả xét công nhận sáng kiến hoặc kết quả đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến đó một lần.

3. Trường hợp tác giả đã sử dụng kết quả đó để giải quyết vụ việc liên quan đến sáng kiến nhưng chưa được cấp có thẩm quyền xem xét nhưng nguyên nhân không phải do sáng kiến thì tác giả có thể tiếp tục dùng kết quả sáng kiến đó để đề nghị trong những lần tiếp theo.

4. Trường hợp tại thời điểm đề nghị xem xét giải quyết một vụ việc nào cần đến tiêu chí sáng kiến mà sáng kiến đó hiện không còn được áp dụng hoặc bị

cơ quan có thẩm quyền đề nghị dừng áp dụng do vi phạm các quy định có liên quan hoặc việc áp dụng sáng kiến đang xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác thì sáng kiến này không còn giá trị để tác giả sử dụng giải quyết vụ việc đó.

5. Tại thời điểm đề nghị giải quyết vụ việc có liên quan đến sáng kiến nào thì sáng kiến đó phải đảm bảo vẫn đang được áp dụng hiệu quả.

6. Việc sử dụng kết quả xét công nhận sáng kiến hoặc kết quả đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trong công tác xét thi đua, khen thưởng và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức phải đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này. Sáng kiến được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh hoặc toàn quốc có giá trị sử dụng để làm cơ sở xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu thi đua ở các cấp theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và quy định hiện hành về thi đua khen thưởng của tỉnh.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh

1. Người đứng đầu các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp của tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và người đứng đầu các cơ sở xét công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này và tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi đơn vị quản lý phát huy tính tự chủ, sáng tạo, có nhiều Sáng kiến được công nhận và áp dụng đem lại hiệu quả.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh;

b) Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh;

c) Tổ chức xét, công nhận các sáng kiến do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật theo quy định theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 Điều lệ sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN;

d) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các biện pháp nhằm thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN; xây dựng báo cáo kết quả hoạt động Sáng kiến trên địa bàn tỉnh theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ

đ) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, việc thực hiện chính sách, chấp hành pháp luật về sáng kiến tại các tổ chức, cơ sở thuộc đối tượng của Quy định này; bảo vệ

quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, của tổ chức và cá nhân trong hoạt động sáng kiến; Trong trường hợp cần thiết, chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan tổ chức kiểm tra, xác minh việc áp dụng sáng kiến ở cơ sở đối với các giải pháp đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh;

e) Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn các cơ quan, đơn vị địa phương thực hiện việc đánh giá công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến.

3. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Liên đoàn Lao động tỉnh, Tỉnh đoàn và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn các tác giả có sáng kiến đã được cấp có thẩm quyền công nhận được tham gia các hội thi, cuộc thi về sáng tạo khoa học và công nghệ để có hình thức vinh danh, khen thưởng kịp thời.

4. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ sở xét công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh và các cơ quan liên quan căn cứ vào kết quả hoạt động sáng kiến để tham mưu cấp có thẩm quyền thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng nhằm tôn vinh, khen thưởng những tổ chức, cá nhân điển hình trong hoạt động sáng kiến.

5. Sở Tài chính, cơ quan tài chính các huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở xét công nhận sáng kiến có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan phân bổ kinh phí và thẩm định dự toán chi cho hoạt động sáng kiến theo quy định hiện hành.

6. Hàng năm, trước ngày 15 tháng 01, các cơ quan, đơn vị, sở, ban ngành, Đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm báo cáo và cung cấp thông tin về hoạt động sáng kiến của cơ quan, đơn vị mình cho Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ. Số liệu báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12. Mẫu báo cáo tại Phụ lục IV ban hành kèm Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN.

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Các cơ quan Đảng, sở, ban, ngành, đoàn thể, các huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở có thẩm quyền xét công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh rà soát các quy chế, hướng dẫn có liên quan đến hoạt động sáng kiến do cơ quan, đơn vị mình đã ban hành, kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ để phù hợp với Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.